

BAN QLQH LƯU VỰC SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

Ban Quản lý Quy hoạch lưu vực sông Hồng - Thái Bình (BQLQHLV) được thành lập theo Quyết định số 39 / 2001 / QĐ / BNN-NT, ngày 9/4/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Chức năng:

Quản lý Quy hoạch lưu vực sông Hồng - Thái Bình theo điều 64 luật Tài nguyên nước, cụ thể là:

- Lập, trình duyệt và theo dõi việc thực hiện Quy hoạch lưu vực sông Hồng - Thái Bình, bảo đảm quản lý thống nhất quy hoạch lưu vực với địa bàn hành chính.

- Phối hợp với các cơ quan hữu

quan của các Bộ, Ngành và địa phương trong việc điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước của lưu vực sông Hồng - Thái Bình và trong việc lập, trình duyệt và theo dõi việc thực hiện các quy hoạch lưu vực sông nhánh thuộc hệ thống sông Hồng - Thái Bình.

- Kiến nghị việc giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước trong lưu vực sông Hồng - Thái Bình.

Tổ chức: Ban QLQHLV:

- **Trưởng ban: Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: Gs-Ts: Phạm Hồng Giang.**

- **Phó trưởng ban: Cục trưởng Cục Thủy lợi: Ts. Phạm Xuân Sứ.**

Các uỷ viên: Lãnh đạo các Cục Thủy lợi, Cục Phòng chống lụt bão và Quản lý đê điều, lãnh đạo Viện Quy hoạch thủy lợi và Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố thuộc lưu vực sông Hồng - Thái Bình, lãnh đạo các Cục, Vụ có liên quan đến quản lý tài nguyên nước thuộc các Bộ: Tài nguyên-Môi trường, Khoa học Công nghệ, Công nghiệp, Thủy sản, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Y tế, Quốc phòng.



Trưởng ban:
Gs-Ts: Phạm Hồng Giang



Phó trưởng ban:
Ts: Phạm Xuân Sứ



Chánh văn phòng:
Ts: Tô Trung Nghĩa

TRONG SỐ NÀY

- Hoạt động Ban Quản lý Quy hoạch Lưu vực Sông Hồng - Thái Bình T2
- Mạng lưới các tổ chức lưu vực sông Châu Á T4
- Kết quả phòng chống hạn đầu năm 2004 trong lưu vực Sông Hồng - Thái Bình T5

Văn phòng BQLQHLV:

Chánh Văn phòng: Viện trưởng Viện QHTL, Ts. Tô Trung Nghĩa

Trụ sở: tại Viện Quy hoạch Thủy lợi - 162 A Trần Quang Khải, Hà Nội.

ĐT: (84-4) 8. 256 470 /8.267 020.

Fax: (84-4) 8.252 807.

E-mail: iwrp.hanoi@hn.vnn.vn

Hoạt động của ban Quản lý Quy hoạch lưu vực Sông Hồng - Thái Bình (BQLQH LV)

I - KHÁI QUÁT VỀ LƯU VỰC SÔNG HỒNG THÁI BÌNH

- Hệ thống sông Hồng-Thái Bình là hệ thống sông lớn thứ 2 của Việt Nam, hệ thống sông quốc tế bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua Việt Nam ra Biển Đông. Toàn lưu vực rộng 169.020 km², trong đó: phần thuộc lãnh thổ Trung Quốc 81.240 (48%) km², lãnh thổ Lào là 1.100 km² (0.65%), lãnh thổ Việt Nam 86.660 km² (51,35%).

- Phần lưu vực thuộc lãnh thổ Việt Nam gồm 26 tỉnh với số dân hơn 28 triệu người (năm 2002)

- Tài nguyên đất trong phần lưu vực của Việt Nam đang khai thác vào các mục đích như sau: nông nghiệp 1874.100 ha, trong đó: đất

tỷ m³ (chiếm 38,8%).

II - HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUY HOẠCH

Nhằm tăng cường công tác quản lý quy hoạch và sử dụng, bảo vệ nguồn nước có hiệu quả trên lưu vực sông Hồng, xây dựng được chiến lược phát triển thủy lợi trong giai đoạn 2010 - 2020 phục vụ phát triển các ngành kinh tế-xã hội trên toàn lưu vực, Văn phòng BQLQH LV đã phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, các ngành, đặc biệt các Sở Nông nghiệp & PTNT thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban. Trong 2003 Văn phòng BQL đã có những hoạt động chính như sau:

- Triển khai khảo sát thực địa, làm

thủy lợi và các tài liệu cơ bản hiện có liên quan đến nghiên cứu phát triển tài nguyên nước.

- Phối hợp và giúp các địa phương tổ chức các Hội thảo theo chương trình dự án ADB 3, hợp phần A-1: "Tăng cường năng lực BQLQH LV sông Hồng".

- Giải quyết mâu thuẫn trong khai thác bồi bãi giữa Nam Định và Ninh Bình.

- Tham gia vào những quyết sách lớn của Nhà nước về quy mô công trình thủy điện Sơn La và Tuyên Quang.

- Tham gia xác định hành lang thoát lũ và kè bờ sông Hồng của Hà Nội.

- Thẩm định các dự án có liên quan đến sử dụng nguồn nước trong lưu vực sông Hồng như: Dự án cấp nước cho Hà Nội lấy từ sông Đà, các Dự án thủy điện trên các nhánh của sông Hồng (Thủy điện Chu Linh - Cốc San, Ngòi Phát v...), dự án Khu đô thị Láng - Hoà Lạc, dự án Giao thông Tuyên vành đai Hà Nội, Xa lộ Bắc - Nam v...

- Góp ý cho Quy hoạch chiến lược phát triển Thủy sản toàn quốc

- Góp ý cho dự án Đập chắn trên sông Thái Bình tại Hải Phòng.

- Phối hợp với các địa phương, các thành viên của BQL tổ chức các Hội thảo BQL QH LV, tổng hợp được nhiều ý kiến đóng góp nâng cao hiệu quả, năng lực hoạt động quản lý của Ban và xác định những vấn đề còn tồn tại trong sử dụng và bảo vệ nguồn nước lưu vực. Để xuất được công việc cần phải làm trong các năm tới.

III. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Trong những năm gần đây khoa học công nghệ đã được phát triển



canh tác 1.463.000 ha (đất lúa màu 1.031.000 ha, đất lâm nghiệp 2.570.775 ha, trong đó đất có rừng 2.101.000 ha. Tiềm năng đất có khả năng phát triển nông, lâm nghiệp còn 3.919.500 ha.

- Tài nguyên nước mặt bình quân hàng năm của lưu vực khoảng 133,68 tỷ m³, trong đó lượng nước từ ngoài lãnh thổ đổ vào là 51,82

việc với các địa phương trong lưu vực, đánh giá được các mặt tích cực, tồn tại trong quản lý cũng như khai thác sử dụng tài nguyên nước, đưa ra hướng đầu tư phát triển thủy lợi trong các năm tới.

- Tổng hợp lập cơ sở dữ liệu về nguồn nước lưu vực: số liệu về khí tượng, thủy văn; hiện trạng phát triển dân sinh kinh tế, công trình

khả mạnh, có nhiều đề tài nghiên cứu áp dụng cho quản lý và khai thác lưu vực sông Hồng và có những kết quả nghiên cứu nổi bật như:

- Nghiên cứu, tính toán cân bằng bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn nước cho từng vùng, từng lưu vực sông có xét đến sự biến đổi nguồn nước do biến đổi khí hậu và chuyển đổi mạnh cơ cấu sản xuất cho kết quả ngày càng chính xác hơn.

- Dự báo diễn biến lòng dẫn, đưa ra các giải pháp chỉnh trị, xác định hành lang thoát lũ sông Hồng, xây dựng quy trình vận hành hồ Hoà Bình đảm bảo tham gia tốt chống lũ cho hạ du và phát điện. Công nghệ nhận dạng lũ trong điều hành hồ Hoà Bình giúp cho công tác dự báo tốt hơn.

- Giải pháp gia cố thân và nền đê bằng khoan phụt, chống mối cho đê, đập, bảo vệ mài đê biển chống gió bão cấp 9.10 khi triều trung bình bằng kết cấu bê tông lắp ghép có ngầm đang được áp dụng phổ biến.

- Nghiên cứu, chế tạo và ứng dụng vật liệu mới trong xây dựng thủy lợi như: ứng dụng vải địa kỹ thuật vào làm vật liệu thấm, vật liệu chống thấm gia cố nền công trình.

- Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ thiết kế, thi công đập bằng vật liệu đất sườn tích, tàn tích có khả năng tan rã và trương nở cao, công nghệ lắp ghép, công nghệ sửa chữa công trình bê tông thủy lợi, công nghệ thi công các cống xi phông dài qua sông bằng phương pháp hạ chìm; công nghệ tưới tiết kiệm bằng bom phun, nhỏ giọt áp lực thấp cho cây vùng đồi và vùng khan hiếm nước đạt kết quả tốt.

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh trong điều tra khảo sát, quy hoạch và thiết kế thủy lợi.

- Thiết kế, chế tạo nhiều loại cửa van lệch trục, cửa van bản lệch, đóng mở tự động hai chiều, chế tạo nhiều loại máy bơm cơ lớn

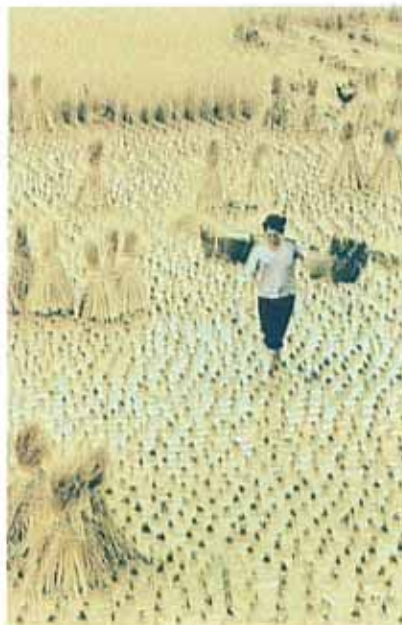
8000m³/h đạt hiệu suất cao.

- Xây dựng công nghệ cải tạo đất bằng biện pháp thủy lợi như công nghệ cải tạo đất mặn, đất có chất độc ở đồng bằng sông Hồng bằng kênh tiêu hở, tiêu ngầm.

IV. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA BQLQHVLV

Quy chế hoạt động của BQLQHVLV chưa được hoàn thiện nên ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Ban. Kinh phí hoạt động của Văn phòng rất hạn hẹp, không đủ cho các hoạt động như:

- Nghiên cứu thực địa hàng năm;
- Cập nhật phân tích, xây dựng cơ sở dữ liệu, xây dựng phần mềm, thông tin giữa các Sở, các Ngành có liên quan, tổng hợp đánh giá đầy đủ về thực trạng khai thác và xây dựng hoàn chỉnh số liệu phục vụ cho công tác quản lý và khai thác lưu vực Sông;
- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc



quản lý và bảo vệ nguồn nước v...; Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của Văn phòng, nhất là ở các Sở còn rất thiếu thốn.

V. DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN NĂM 2004:

1- Triển khai các hoạt động của Văn phòng:

- Tiếp tục triển khai cập nhật, phân tích, xây dựng cơ sở dữ liệu.

- Tổ chức, tiến hành các hoạt động của cộng đồng.

- Thiết lập trang website, ra bản tin hàng quý của BQLQHVLV

- Triển khai các hoạt động kết nối các tỉnh trong lưu vực và thăm dò khả năng hình thành các Tiểu ban quản lý tiểu lưu vực trong cơ cấu của Ban.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2004, lập báo cáo đánh giá tình hình quản lý Quy hoạch lưu vực sông trong năm 2004.

- Tiến hành các hoạt động phối hợp đa ngành: mời các Bộ, Ngành tham gia nghiên cứu khảo sát thực địa, tổ chức báo cáo, thảo luận nhằm đưa ra được phương án tổ chức và khai thác quản lý nguồn nước tốt.

- Triển khai quan hệ quốc tế trong công tác quản lý, khai thác lưu vực sông.

- Triển khai các hoạt động phối hợp với dự án ADB về tăng cường năng lực cho Ban và Văn phòng Ban

2. Các hoạt động của Ban:

- Hoàn thiện Quy chế hoạt động của BQLQHVLV.

- Đổi mới các cuộc họp của Ban, cán đưa vào nội dung tăng cường kiến thức quản lý tổng hợp lưu vực, góp ý cho quy hoạch tổng thể các ngành, thảo luận các vấn đề nổi cộm để đề xuất với Bộ những phương án giải quyết hợp lý kịp thời.

- Tiến hành các cuộc họp định kỳ với các nội dung do Văn phòng đề xuất và chuẩn bị.

- Tiến hành các hoạt động liên quan tới dự án ADB về tăng cường năng lực cho Ban.

Mạng lưới các tổ chức lưu vực sông Châu Á (NARBO)

(Network of Asian River Basin Organizations: NARBO)

Việc thành lập NARBO được khởi xướng tại Hội nghị về Nước thế giới tổ chức tại Nhật Bản tháng 3-2003, theo thu thoả thuận của Cơ quan nước Nhật Bản (JWA), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Viện Ngân hàng phát triển Châu Á (ADBI).

Hoạt động chính của NARBO được đề xuất tại cuộc họp Chiang Mai (Thái Lan) ngày 20-11-2003 và đã được chính thức thông qua tại cuộc họp toàn thể vào ngày 24-26/2/2004 tại Batu, Indonesia.

Mục đích chính của NARBO là tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các Tổ chức lưu vực sông (viết tắt là RBO) của các nước châu Á. Để đạt được mục tiêu đó NARBO sẽ trợ giúp các RBO bằng việc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và nguồn nhân lực để thúc đẩy việc Quản lý tổng hợp tài nguyên nước và cải thiện việc quản lý nước. NARBO bao

gồm các RBO's của châu Á, các Bộ, Ngành liên quan đến nước, các Trung tâm Khoa học vùng và liên vùng cũng như các tổ chức hợp tác của thế giới.

Các hoạt động của NARBO:

+ Thúc đẩy và nâng cao nhận thức về Quản lý tổng hợp nguồn nước giữa các RBOS, các Bộ, Ngành quản lý nước và các Cơ quan hoạt động chính trong lĩnh vực nước.

+ Chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm, kiến thức với các tổ chức thành viên trong Quản lý tài nguyên nước tổng hợp thông qua các trang Web, ấn phẩm phát hành và thông qua các hệ cơ sở dữ liệu.

+ Hỗ trợ các thành viên của NARBO để tăng cường quản lý tài nguyên nước, bao gồm việc thiết lập các cơ chế chính sách, các khung pháp lý cho việc quản lý tài nguyên nước tổng hợp và thực thi các kế hoạch hành động.

+ Hỗ trợ các RBOS về mặt kỹ thuật cho việc quy hoạch, bảo tồn và phát triển cũng như cho việc vận hành,

bảo dưỡng một cách hiệu quả và hợp lý các công trình thủy lợi để tăng cường quản lý tài nguyên nước tổng hợp.

+ Thúc đẩy sự hợp tác giữa các nước trong vùng để tăng cường quản lý tài nguyên nước cho những lưu vực sông quốc tế.

Những kỳ vọng về các hoạt động của NARBO:

Các nước Đông Á, Đông-Nam Á và Nam Á đã bày tỏ sự mong muốn thành lập NARBO, đã đóng góp những ý kiến về cơ cấu tổ chức và hoạt động của NARBO cũng như mục tiêu, các tổ chức thành viên, kế hoạch hành động...

Sự tham gia của Việt Nam vào tổ chức NARBO:

- Việt Nam đã có đại biểu tham dự cả 2 cuộc họp ở Chiang Mai (Thái Lan) và Batu (Indonesia).

- Ba tổ chức lưu vực sông Hồng, sông Đồng Nai và sông Cửu Long đã trở thành thành viên chính thức của NARBO.



Kết quả phòng chống hạn đầu năm 2004 trong lưu vực sông Hồng-Thái Bình

Trích báo cáo của
TS. Nguyễn Đình Ninh
Phó cục trưởng Cục Thủy lợi,
Bộ NN & PTNT tại Hội thảo về hoạt động của các BQL Lưu vực.

I. Giới thiệu về lưu vực sông Hồng-Thái Bình.

1.1 Vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.

Vùng núi phía Bắc bao gồm 15 tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Quảng Ninh, Phú Thọ và Bắc Giang. Tổng diện tích tự nhiên: 10.045.853 ha. Dân số: 11,349 triệu người. Diện tích đất nông nghiệp 1.305.050 ha. Năm 2001 đã gieo trồng được 990.000 ha cây lương thực, đạt sản lượng 3,37 triệu tấn, bình quân 297,2 Kg / người năm.

Đến nay trong vùng có 1.750 hồ chứa vừa và nhỏ, 40190 đập dâng, hàng trăm công trình thủy điện, thủy luân, 379 trạm bơm điện, hàng vạn công trình tiểu thủy nông gồm : muông, phai, đường dẫn nước, hồ ao nhỏ cấp nước tưới theo thiết kế là 263.067 ha, thực tế đã đảm bảo tưới được 206.037 ha. Nơi được tưới, năng suất thường đạt 3,54 tấn/ha. Hàng ngàn công trình đường ống, bể xây, bể hốc đá, mỏ nước đã được xây dựng để cấp cho hơn 30 vạn dân ở các vùng khan hiếm nước, vùng núi đá, vùng biên giới. Cấp nước cho các khu công nghiệp như Thái Nguyên, Quảng Ninh, Lào Cai và các đô thị.

1.2. Vùng Đồng bằng Bắc bộ.

Đồng bằng Bắc bộ gồm thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và các tỉnh: Vĩnh Phúc, Hà Tây, Hà Nam, Bắc Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên và Ninh Bình. Tổng diện tích tự nhiên: 14.784 Km². Dân số: 17,24 triệu người. Diện tích đất nông nghiệp 857.515 ha. Năm 2001 đã gieo trồng được 1.276.700 ha cây lương thực, đạt sản lượng 6,66 triệu tấn, bình quân 386 Kg/người năm.

Lượng mưa trung bình 1.700 mm

/năm. Lượng dòng chảy khả phong phú, môđun trung bình đạt tới 26l/s.km², trên 80% lượng dòng chảy tập trung vào mùa mưa.

Về hiện trạng thủy lợi: Đến nay trong vùng có 55 hệ thống thủy nông lớn và vừa điều tiết nước phục vụ tưới, sinh hoạt và tiêu thoát nước, bao gồm :

- 500 cống dưới đê sông chính phục vụ cấp và thoát nước.
- 1700 trạm bơm điện chính tưới, tiêu với 7600 tổ máy, trong đó 3030 tổ máy bơm tưới, 5200 tổ máy bơm tiêu và hơn 3500 trạm bơm nội đồng.
- Nhiều sông và kênh trực chính,



kênh cấp I, II, III tưới tiêu với chiều dài hơn 5 vạn km.

- Có 35 hồ chứa (dung tích từ 0.5 đến 230 triệu m³) và nhiều hồ chứa nhỏ có tổng diện tích tưới thiết kế khoảng 85.000 ha, kết hợp cấp nước sinh hoạt.

II. Tình hình thời tiết và nhu cầu nước đầu năm 2004

2.1. Thời tiết.

2.1.1 Năm 2003, mùa mưa trong lưu vực kết thúc sớm, lượng mưa hụt từ 10%-30%, có những điểm lượng mưa thấp hơn TBNN rất lớn như Phú Thọ hụt (-610mm), Yên Bái (-526mm), Tiên Yên (-433mm).

Từ cuối tháng 9/2003 đến nay ở khu vực hầu như không có mưa hoặc mưa

không đáng kể, thấp hơn so với TBNN từ 122 - 302 mm.

2.1.2 Dòng chảy trên các sông suối đều ở mức thấp hơn từ 20-30% so với TBNN (20 ngày đầu tháng 02/2004 sông Thao tại Yên Bái lưu lượng bình quân là 218m³/s hụt 26% so với TBNN, sông Lô tại Tuyên Quang 168m³/s hụt 28%). Mục nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội đã xuống mức 1,97m (27/01) là mức thấp nhất trong 40 năm trở lại đây. Mục nước các sông Thương, Cầu, Lục Nam thuộc sông Thái Bình thấp hơn TBNN từ 0,5-0,8 m. Tại các vùng cửa sông, mặn xâm nhập sâu vào nội địa từ 10-20km, độ mặn tăng cao so với trung bình nhiều năm từ 4-5‰.

Lượng nước trữ trong các hồ chứa vừa và lớn chỉ bằng 60-70% thiết kế, các hồ chứa nhỏ chỉ đạt dưới 40-60% thiết kế.

2.1.3 Các cống và trạm bơm đầu mối lấy nước trực tiếp từ sông Hồng, sông Thái Bình chỉ đạt 50-60% thiết kế. Mục nước thượng lưu tại các công trình này thấp hơn mức thiết kế tưới từ 0,30 - 0,60m, nước trong nội đồng thấp hơn thiết kế khoảng 1,0m làm cho nhiều trạm bơm không bơm được hết công suất, số giờ bơm ít.

2.1.4 Thời tiết hanh khô liên tục, lượng bốc hơi cao hơn TBNN cũng góp phần quan trọng giảm nhanh mục nước các sông, suối, hồ chứa và nước trên đồng ruộng.

2.2 Sản xuất nông nghiệp.

2.2.1 Các nhu cầu nước trong khu vực như sinh hoạt, công nghiệp, sinh thái ... chưa có những thay đổi lớn.

2.2.2 Nhu cầu nước cho diện tích lúa đông xuân 2003-2004 của các tỉnh trong lưu vực là: 855.880 ha, tỷ lệ lúa xuân muộn hơn 75%, trong đó vùng đồng bằng sông Hồng trên 80%, Nam Định 99%, Hà Nam 96%,

Ninh Bình 90%, Bắc Ninh 85%, Hưng Yên 85%, Hà Tây 73%....Diện tích đất ải nhiều, ải xác cộng với thời vụ làm đất và gieo cấy tập trung trong thời gian ngắn, chủ yếu từ cuối tháng 01 đến cuối tháng tháng 02/2004, vì vậy yêu cầu nước làm đất rất lớn. Dự kiến khoảng 300.000 ha sẽ rất khó khăn, trong đó khoảng 22.000 ha có thể phải chuyển đổi sang cây trồng dùng ít nước hơn.

2.3. Cung cấp điện và xả nước hồ Hoà Bình, Thác Bà.

Theo thông báo của Tổng công ty Điện lực Việt Nam, do mưa ít nên dung tích nước trữ được ở hồ Hoà Bình hụt 668 triệu m³, Thác Bà hụt 416 triệu m³. Lưu lượng nước đến hồ Hoà Bình trong tháng 1/2004 bình quân là 400 m³/s bằng 73% TBNN, bằng 35% cùng kỳ năm 2003. Như vậy, căn cứ vào tình hình nước đến và nước tích được trong các hồ, thì việc điều tiết nước phục vụ phát điện và sản xuất nông nghiệp trong mùa khô sẽ gặp nhiều khó khăn.

III. Những giải pháp phòng chống hạn.

3.1. Kết quả một số công việc đã làm trước khi bước vào vụ đông xuân.

3.1.1. Tập trung tạo nguồn nước tưới hợp lý cho cây vụ đông 2003-2004.

Việc tưới cây vụ đông gặp rất nhiều khó khăn bởi diện tích phân tán, ở vùng cao, trùng vào thời gian tu sửa các hệ thống, phần lớn lại không thu được TLP (một số tỉnh hỗ trợ hoặc chỉ thu tiền điện bơm tưới vụ đông).

Tuy vậy các hệ thống thủy lợi đã tạo nguồn nước tưới cho cây vụ đông đạt 285.900/358.520 ha gieo trồng, trong đó ĐBBB 206.680 ha/238.320 ha gieo trồng, miền núi trung du Bắc Bộ 79.220 ha/120.200 ha gieo trồng. Cũng như vụ đông các năm trước, số diện tích còn lại được nông dân tự tưới bằng nguồn nước hời quy từ các công trình thủy lợi hoặc ở các ao hồ tự nhiên, kênh rạch mương tiêu...

3.1.2. Tu sửa máy móc, nạo vét kênh mương và làm thủy lợi nội đồng.

Đà tu sửa, bảo dưỡng xong hầu hết các máy bơm tưới và một số trạm bơm tưới tiêu kết hợp, số còn lại phần đầu đến hoàn thành trước ngày 10/01/2004. Những hệ thống thủy nông vùng triều đã sửa chữa, bảo dưỡng xong các cống lấy nước, sẵn sàng mở cống cấp nước tưới.

Các địa phương cơ bản đã kết thúc nạo vét các cửa lấy nước, bể hút và kênh dẫn vào các trạm bơm lớn vào cuối tháng 12/2003 nhưng khối lượng nạo vét cửa khẩu chỉ đạt 788.180 m³/1.033.760 m³ KH. Việc tu bổ kênh mương các cấp được thực hiện xong trước ngày 05-10/01/2004 (trừ một số khu vực ở miền núi) để kịp đưa nước làm đất đại trà.

Theo thống kê, đến 25/12/2003, khối lượng làm thủy lợi nội đồng của các địa phương đạt 13.588.040 m³. Năm vừa qua, nguồn vốn để KCH kênh mương hạn chế nhưng một số tỉnh vẫn triển khai việc này với kết quả tốt do đã linh hoạt, tranh thủ, tận dụng và phát huy được nhiều nguồn vốn (như tỉnh Lào Cai). Kết quả thực hiện nạo vét của các vùng được thống kê ở bảng dưới đây.

3.1.3. Thực hiện một số giải pháp quản lý:

- Một số Hội đồng quản lý HTTN đã họp bàn thống nhất với các địa phương về kế hoạch, biện pháp đưa nước tưới phục vụ sản xuất. Các Công ty KTCTTL có bơm điện cùng với Điện lực các địa phương đã thảo luận thống nhất hợp đồng cung ứng điện cho các trạm bơm. Một số nơi chính quyền địa phương và các Công ty KTCTTL đã chủ động xây dựng và thống nhất các phương án, giải pháp

cụ thể phòng chống hạn hoặc đột xuất khi nguồn nước thấp xảy ra.

- Rút kinh nghiệm chống hạn trong vụ ĐX 1998-1999, một số địa phương ở miền núi Bắc Bộ tiếp tục hoàn thiện phương án cấp nước sinh hoạt cho nhân dân vùng thường xuyên khó khăn trong vụ ĐX. Một số tỉnh đã triển khai lập phương án chống hạn cho những khu vực dự kiến thiếu nước như: Thái Nguyên, Hà Tây, Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên...

- Bắt đầu mở cống ở một số hệ thống để lấy nước trữ vào kênh trục như hệ thống Sông Nhuệ, Bắc Hưng Hải, một số hệ thống vùng triều Bắc Bộ.

3.1.4. Tuyên truyền, thông báo tình hình nguồn nước, các biện pháp phòng chống hạn và các giải pháp khác trên các phương tiện thông tin đại chúng để nông dân chủ động sản xuất.

3.2. Một số biện pháp chỉ đạo chống hạn trong thời gian gieo cấy.

3.2.1. Miền núi trung du Bắc Bộ.

- Tiếp tục kiểm tra nguồn nước, các công trình cấp nước sinh hoạt cho nhân dân. Trong những năm qua, việc cấp nước ở nhiều địa phương trong khu vực này tuy đã được cải thiện nhưng vẫn phải rà soát cụ thể các phương án, giải pháp cấp nước cho những nơi khó khăn về nguồn nước ở vùng cao, đặc biệt cho trường học và các đơn vị bộ đội. Những nơi công trình thủy lợi có điều kiện thì phải tìm giải pháp để ưu tiên cấp nước sinh hoạt (vụ ĐX 98-99 vùng này có 796.000 người thiếu nước).

- Vận động nhân dân nạo vét kênh

Vùng	Tổng khối lượng (m ³)	Công ty KTCTTL thực hiện (m ³)			Dàn thực hiện (m ³)
		Tổng số	Cửa khẩu	Kênh mương	
MN-TĐBB	1.599.070	190.770	100.500	90.270	1.408.300
ĐB Bắc Bộ	11.988.970	2.588.410	662.540	1.925.870	9.400.560
Cộng	13.588.040	2.779.180	763.040	2.016.140	10.808.860

muong, sửa chữa công trình, tập trung nguồn vốn để kiên cố hoá thêm kênh muong, nhất là những đoạn kênh thường bị mất nước. Tích cực làm mới và gia cố các phai đập tạm để ngăn sông suối nhỏ, dùng mọi phương tiện, công cụ (như guồng, cọn, máy bơm nhỏ đầu nước cao...) để cung cấp nước. Đối với trạm bơm trực tiếp từ các sông, cần căn cứ vào mực nước thấp nhất trong vụ ĐX 98-99 để nạo vét các bể hút nhằm đủ nước, duy trì tối đa số máy bơm hoạt động.

- Tranh thủ tận dụng nguồn nước tự nhiên (ao đầm, kênh tiêu, sông suối nhỏ, sông cụt) khi còn sinh thủy, dành và sử dụng nước trong các hồ chứa khi thật cần thiết và làm đất tưới lúa. Khi cần thiết có thể đặt máy bơm dã chiến để bơm nước chết của hồ để tưới hoặc tính toán kỹ phương án chuyển nước từ các nguồn khác hỗ trợ cho vùng hồ chứa (như từ hồ Pe Luông, Hồng Sặt về hệ thống Nậm Rốm, từ hồ Núi Cốc cho hệ thống Sông Cầu hoặc quay vòi các trạm bơm tiêu ven sông Thương, sông Cầu tưới cho hệ thống Cầu Sơn, Sông Cầu...)

- Quản lý chặt chẽ nguồn nước ở các ao, hồ chứa, đập; tránh việc tháo nước bất cả hoặc chạy máy phát điện gia đình. Có phương án tưới cho cây công nghiệp và cây ăn quả bằng cách tận dụng nguồn nước tự nhiên, bằng các biện pháp máy bơm gia đình.

- Hướng dẫn, vận động nhân dân sử dụng nước tiết kiệm để việc mở nước, phân phối nước đúng với tiến độ và yêu cầu gieo cấy lúa, phù hợp với diễn biến thời tiết thời vụ và tập quán của

từng nơi (thường sau rằm tháng giêng âm lịch, có khi đến tháng 3/2004 mới gieo cấy).

3.2.2. Đồng bằng Bắc Bộ.

- Lấy mực nước thấp nhất đã xảy ra trong vụ ĐX 98-99 và mực nước dự báo nêu trên (sông Hồng tại Hà Nội ở mức +2.0 đến +2.2m) làm căn cứ để tiếp tục nạo vét các hệ thống thủy lợi nội đồng và các cống lấy nước, kênh trục, bể hút trạm bơm để dẫn đủ nước tưới khi cần thiết và khi xảy ra mực nước nêu trên. Chuẩn bị máy bơm dã chiến, gầu, guồng để bơm tát khi nước xuống quá thấp, đặc biệt là ở hệ thống thủy nông vùng triều

- Cần tập trung chỉ đạo chặt chẽ việc đổ ải phục vụ gieo cấy các trà lúa xuân theo đúng thời vụ ở từng khu vực, phấn đấu kết thúc đổ ải trong tháng 02/2004. Theo dõi chặt chẽ thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh việc vận hành hệ thống và phân phối nước hợp lý, có lịch phân phối nước cụ thể cho từng địa phương, tránh tình trạng tranh chấp hoặc thiếu nước giả tạo.

Đối với các trạm bơm thực hiện phương án cấp nước theo phương châm "yêu cầu gieo cấy đến đâu tập trung đưa nước đến đó" nhằm tiết kiệm điện, nước.

Đối với vùng thủy triều cần theo dõi diễn biến mặn và mực nước của những ngày triều cường để tranh thủ lấy nước, thông báo kịp thời để nông dân trữ nước ngọt vào ao đầm trong điều kiện cho phép. Trong tháng 01&02/2004, có 4 đợt triều cường cần theo dõi để tận dụng lấy nước.

- Cần nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện phương án tiếp nguồn nước tưới

cho một số khu vực khó khăn như tiếp nước từ sông Hồng qua sông Nhuệ vào sông Đáy; dùng các trạm bơm Phù Sa, Trung Hà bổ sung nước cho một số khu vực ở Sơn Tây; trạm bơm Bạch Hạc, Thanh Diêm tiếp nước cho vùng Mê Linh của Vĩnh Phúc v.v. Cần chuẩn bị khôi phục và lắp đặt các trạm bơm dã chiến nhiều cấp để tận dụng nguồn nước ở sông nội địa.

- Sau khi kết thúc việc đưa nước phục vụ gieo cấy, tiếp tục làm thủy lợi nội đồng, tập trung vào nạo vét các kênh tiêu, bờ vùng, bờ khoảnh, chuẩn bị phương án tiêu nước để phòng có những mưa lớn có thể xảy ra như một vài năm trước đây.

IV. Kết quả phòng chống hạn và một số kinh nghiệm.

4.1. Kết quả phòng chống hạn.

4.1.1. Thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp & PTNT, công tác chống hạn phục vụ gieo cấy lúa đông xuân đã đạt kết quả sau:

Khẩn trương triển khai các công việc nạo vét khai thông các cửa khẩu lấy nước, các tuyến kênh, bể hút các trạm bơm bị bồi lắng. Sửa chữa máy bơm, sự cố hư hỏng công trình, đắp đập ngăn sông nội địa, chuẩn bị các vật tư, thiết bị cần thiết. Huy động toàn bộ máy bơm hiện có để bơm nước, nhiều địa phương đã phải sử dụng bơm truyền hai đến ba bậc, quay vòi các trạm bơm tiêu để bơm nước sông tưới hỗ trợ, đã lắp đặt hơn 1.800 máy bơm (điện, dầu) dã chiến bơm tưới cho vùng tự chảy như Nam Định, Phú Thọ, Hà Tây, Hải Dương, Ninh Bình..., thực hiện phương án tiếp nguồn giữa các hệ thống có liên quan như tiếp nước hồ Núi Cốc cho hệ thống Sông Cầu, tiếp nước trạm bơm Đan Hoài cho trạm bơm La Khê v.v...

Khối lượng làm thủy lợi để chống hạn vượt so với những năm bình thường khoảng 3.098.520m³, với kinh phí khoảng triệu đồng, chưa kể công sức đóng góp của nhân dân. Nhiều tỉnh đã phát động phong trào chống hạn như: Hà Nam đã phát động chiến dịch làm thủy lợi với sự tham gia của lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND;



tỉnh Hà Tây đã huy động hàng ngàn người nạo vét thêm kênh trong những ngày giá rét để đưa nước về...

Điện, xăng dầu đã sử dụng bom chống hạn vượt so với năm bình thường khoảng 81.832.000 kwh điện (bom tưới ải 41.415.000 kwh) với kinh phí 57.337 triệu đồng (ải 29.125 triệu đồng) và 2.176 tấn xăng dầu với kinh phí 10.808 triệu đồng.

Chi phí khắc phục vụ cho công tác chống hạn (mua thiết bị, máy bơm, ống bơm, xây dựng các công trình tạm) kinh phí ước khoảng 21.784 triệu đồng.

Nhiều tỉnh đã trích từ ngân sách dự phòng để hỗ trợ cho các Công ty KTCTL và địa phương để chống hạn như Hà Tây 6,8 tỷ đồng, Hải Dương 2,0 tỷ đồng, Hà Nam 1,7 tỷ đồng, Bắc Ninh 940 triệu,... (không kể phần kinh phí của các Công ty KTCTL, cũng như công sức và tiền của của nhân dân phục vụ chống hạn).

4.1.2. Theo báo cáo của các địa phương, tính đến ngày 23/02/2004, diện tích có nước ở khu vực này là 629.962ha/659.550 ha kế hoạch tưới, đạt 95.5% (trong đó đồng bằng sông Hồng đạt 554.600 ha/575.000 kế hoạch tưới đạt 96.5%), diện tích lúa đã cấy đạt 341.210 ha (đồng bằng sông Hồng đạt 286.060 ha đạt 49.2%).

4.1.3. Theo dự kiến ban đầu các tỉnh sẽ chuyển đổi 22.000 ha, nhưng do tích cực và chủ động khắc phục khó khăn nguồn nước tưới, nên diện tích đã chuyển đổi đến nay là 4.115ha sang trồng ngô, lạc, vừng (trong đó vùng cao cục bộ và đèo kênh công trình thủy lợi là 2.405ha như: Hà Tây 1.035ha, Bắc Giang 630ha, Ninh Bình 480 ha, Hải Dương 260ha; vùng tưới bằng khe lạch ở Phú Thọ 1.710ha).

4.2. Một số kinh nghiệm qua đợt chống hạn.

4.2.1. Sự quan tâm chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc kịp thời của Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ Ngành TW và của các đơn vị trong Bộ; đặc biệt là sự hỗ trợ tích cực của Tổng công ty Điện lực Việt Nam,

Trung tâm KTTV quốc gia trong việc điều tiết nước từ các hồ thủy điện Hoà Bình, Thác Bà vừa đảm bảo nguồn điện phục vụ đông xuân ổn định, vừa làm tăng mực nước hạ lưu sông Hồng và sông Thái Bình, duy trì mực nước đủ để các công trình thủy lợi ven sông hoạt động, góp phần chống hạn rất tích cực cho khu vực.

4.2.2. Các địa phương đã triển khai đồng bộ 6 giải pháp chỉ đạo của Bộ không chỉ dựa vào điều tiết nước từ hồ Hoà Bình & Thác Bà.

4.2.3. Các tỉnh duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo chống hạn các cấp. Ban chỉ đạo đã theo dõi sát tình hình nguồn nước và tiến độ sản xuất, lập kế hoạch phân phối nước, điều chỉnh cơ cấu cây trồng cho từng vùng, từng hệ thống cho việc đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất đông xuân.

4.2.4. Việc làm thường xuyên hàng năm trước mỗi vụ đông xuân cần: Kiểm tra công trình đầu mối, kịp thời sửa chữa những hư hỏng, nạo vét tu bổ kênh mương. Công tác này vừa qua nhiều tỉnh đã làm tốt như Phú Thọ, Vinh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình và Hà Tây v.v...

4.2.5. Dự kiến phương án lắp đặt máy bơm dã chiến, tiếp nguồn để khắc phục tình trạng thiếu nước cho từng vùng, từng hệ thống, từ đó có



kế hoạch điều tiết phân phối nước hợp lý và hiệu quả. **4.2.6. Tính toán** cân bằng nước cho từng khu vực, từng hệ thống ngay từ đầu vụ, thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương tổ chức chỉ đạo thực hiện. Đối với vùng triều các Công ty KTCTL phối hợp chặt chẽ với địa phương theo dõi con nước, đóng mở cống kịp thời để nhân dân lấy đủ nước phục vụ sản xuất. Hiện nay nhiều tỉnh do phát

triển công nghiệp, đô thị, vùng dân cư tập trung đòi hỏi nhu cầu nước phục vụ ngày càng tăng, vì vậy từng hệ thống phải tính toán cân bằng nước để đảm bảo đủ nước cấp theo nhu cầu mới của địa phương.

V. Kết luận và kiến nghị.

Để đảm bảo phát triển bền vững lưu vực sông Hồng và sông Thái Bình qua đợt phòng chống hạn đầu năm 2004 xin kiến nghị:

5.1. Căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong lưu vực cần tiếp tục xây dựng các hồ chứa khai thác tổng hợp để điều tiết lại tổng lượng dòng chảy vừa giảm lũ trong mùa mưa, tăng lưu lượng trong mùa khô và đáp ứng dòng chảy môi trường.

5.2. Tiếp tục đầu tư nâng mức đảm bảo của các hệ thống công trình thủy nông, công trình cấp nước trong khu vực. Sửa chữa, nâng cấp và bổ sung các hệ thống công trình thủy lợi hiện có đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của kinh tế, xã hội và môi trường.

5.3. Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý các khu rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn nâng cao độ che phủ bằng việc quản lý rừng và trồng thêm rừng mới.

5.4. Kiểm soát việc xả, thải nước độc hại vào các nguồn nước.

5.5. Quản lý vận hành khai thác có hiệu quả các hệ thống thủy lợi hiện có đảm bảo các yêu cầu của sản xuất và đời sống.

5.6. Tăng cường vai trò của Ban quản lý quy hoạch lưu vực sông Hồng - Thái Bình, sớm xây dựng quy trình điều tiết hồ Hoà Bình trong mùa kiệt phục vụ hiệu quả cấp nước và phát điện.

Hạn hán là một thiên tai, nếu chúng ta có những giải pháp kịp thời và những chiến lược lâu dài, đúng đắn chắc chắn những thiệt hại do hạn hán gây ra sẽ được giảm nhẹ; Những yêu cầu về nước phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội và môi trường sẽ được đảm bảo, lưu vực sông Hồng-Thái Bình sẽ bền vững.